

Số: **151** /KH-UBND

Cát Hải, ngày **15** tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn huyện Cát Hải**

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển Thống kê), với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Hiện đại hóa ngành Thống kê theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng.

2. Yêu cầu

a) Sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận; dữ liệu thống kê nhà nước là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước trong giám sát, đánh giá, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

b) Phát triển nhanh, vững chắc dựa vào nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; gắn với quá trình hội nhập thống kê quốc tế để sản

xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng của xã hội.

c) Tạo lập đầy đủ, đồng bộ và kịp thời về môi trường pháp lý, bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực, tài lực, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thống kê.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực

- Phối hợp xây dựng, sửa đổi và triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

- Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống thống kê tập trung để hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo hướng chuyên môn hóa, giảm thiểu các đơn vị đầu mối, thích ứng với yêu cầu mới.

- Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo hướng nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu. Tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê.

2. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê

Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tự động hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

3. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu

- Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với các phòng, ban, ngành, địa phương. Đổi mới mạnh mẽ và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra để tăng độ tin cậy của dữ liệu và giảm gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê.

- Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở trên nền tảng kiến trúc tổng thể và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Tích hợp các nguồn dữ liệu khác nhau hướng tới dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất.

4. Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê

- Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê.

- Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Chú trọng nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê. Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê.

5. Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê theo quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành; chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê sở, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê.

Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu các Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, đơn vị liên quan:

- Chỉ đạo Công chức, bộ phận chức năng chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nội dung công việc được phân công;

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê trên địa bàn huyện hàng năm theo lĩnh vực phòng, ban, ngành quản lý.

2. Giao Chi cục Thống kê khu vực là cơ quan thường trực triển khai thực

hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030; tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện. Căn cứ vào từng nội dung của Kế hoạch; tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn huyện và định kỳ hằng năm tiến hành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược, gửi về Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp chung báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Chi cục Thống kê khu vực lập dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn huyện, bảo đảm nguồn kinh phí ngân sách nhà nước triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác thống kê Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

4. Giao Phòng Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Cổng thông tin điện tử huyện phối hợp với Chi cục Thống kê khu vực tổ chức tuyên truyền nội dung Chiến lược phát triển Thống kê đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin về Chi cục Thống kê khu vực để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Cục Thống kê TP;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- C, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Cường

Phụ lục
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THÔNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁT HẢI

(Kèm theo Kế hoạch số 151 /KH-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Góp ý sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Cục Thống kê	UBND huyện	2027	2030	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2	Góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112					
1.1.2.1	Góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	01121	Cục Thống kê	UBND huyện		Tháng 4/2022 (đã thực hiện)	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)
1.1.2.2	Góp ý dự thảo Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	01122	Cục Thống kê	UBND huyện		Tháng 11/2022	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.3	Góp ý dự thảo Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	Cục Thống kê	UBND huyện		Tháng 4/2022 (đã thực hiện)	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
1.1.2.4	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01124	Phòng Tư pháp	Các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Củng cố nhân lực thống kê cho cấp xã, thị trấn	012	Phòng Nội vụ, LĐ-TB&XH	UBND các xã, thị trấn	2021	2030	- Đề xuất bổ sung nhân lực - Số lượng công chức làm công tác thống kê tại UBND các xã, thị trấn.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3	Phát triển nguồn nhân lực làm công tác thống kê	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Phòng Nội vụ, LD-TB&XH	UBND các xã, thị trấn		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Sở Nội vụ	UBND huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
					(F)	(G)	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Sở Nội vụ	UBND huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					
1.3.2.1	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01321	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.2	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01322	Cục Thống kê	UBND huyện		Hàng năm	- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					-
1.4.1	Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0141	Chi cục thống kê				-

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Chi cục Thống kê	01411	Chi cục Thống kê			Hàng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực
1.4.1.2	Cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01412	Chi cục Thống kê			Hàng năm	- Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; - Số lượng công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ.
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại UBND các xã, thị trấn	0142					
1.4.2.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các xã, thị trấn	01421	Phòng Nội vụ, LB-TB&XH	UBND huyện, UBND xã, thị trấn		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại UBND các xã, thị trấn hàng năm, 5 năm	01422	Phòng Nội vụ LD-TB&XH	UBND huyện		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.2.3	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại UBND các xã, thị trấn	01423	Cục Thống kê	UBND huyện		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND thành phố tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.4	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, phòng, ban, ngành, UBND huyện	01424	Cục Thống kê	Các phòng, ban, ngành, UBND huyện	2023	2030	- Sổ lượng, khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Sổ lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	02					-
2.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	021	Cục Thống kê	UBND huyện	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.1.1	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	0211	Cục Thống kê	UBND huyện	2026	2030	- Số sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					-
2.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0221	Cục Thống kê	UBND huyện	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.2.2	Triển khai các hoạt động thống kê bảo đảm đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0222	Cục Thống kê	UBND huyện	2024	2025	- Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					-

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	UBND huyện	2021	2030	- Sử dụng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê¹; - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.

¹ Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ cơ quan Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử của các đơn vị; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thông kê	03112	Cục Thống kê	UBND huyện	2021	2030	- Hệ thống xử lý thông tin thông kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thông kê.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thông kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thông kê giữa Cục Thống kê với thông kê sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố	03121	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thông kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính thu, chi ngân sách Nhà nước	03123	Chi cục Thống kê	Phòng Tài chính - Kế hoạch; Kho bạc Nhà nước	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về ngân sách Nhà nước



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.4	Sử dụng dữ liệu hành chính về con người	03124	Chi cục Thống kê	Công an huyện	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về con người
3.1.2.5	Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai	03125	Chi cục Thống kê	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về đất đai
3.1.2.6	Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế	03126	Chi cục Thống kê	Chi cục Thuế; Phòng Nội vụ, LĐ-TB&XH	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế
3.1.2.7	Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế	03127	Chi cục Thống kê	Chi cục Thuế	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về thuế

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.9	Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm	03129	Chi cục Thống kê	Bảo hiểm Xã hội huyện	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về bảo hiểm
3.1.2.10	Sử dụng dữ liệu hành chính về y tế	031210	Chi cục Thống kê	Văn phòng HDND & UBND huyện (Y tế)	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về y tế
3.1.2.11	Sử dụng dữ liệu hành chính về giáo dục	031211	Chi cục Thống kê	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về giáo dục

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.12	Sử dụng dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao	031212	Chi cục Thống kê	Phòng Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Du lịch	2022	2030	Sổ chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao
3.1.2.13	Sử dụng dữ liệu hành chính về xã hội môi trường	031213	Chi cục Thống kê	Các phòng, ban, ngành	2022	2030	Sổ chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về xã hội, môi trường
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Chi cục Thống kê				
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ gia đình; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra hộ nông, lâm, thủy sản...)	03131	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê						
4.3.1.3	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04313	Cục Thống kê	UBND huyện			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê thành phố, của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn
4.3.1.4	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng	04314	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố
4.4	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	044					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0441	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; Các phóng sự, chuyên đề trên đài phát thanh - truyền hình Trung ương và địa phương.
4.4.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04411	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	0521	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê trực thuộc; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại sở, ban, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
6	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	06					
6.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	061					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0611	Cục Thống kê	UBND huyện		Hàng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra.
6.1.2	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	061	Chi cục Thống kê	UBND các xã, thị trấn		Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát
6.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp	062					
6.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp quận, huyện	0621	Cục Thống kê	UBND huyện	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0622	Cục Thống kê	UBND huyện, xã, thị trấn.	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
7	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND huyện	07	Chỉ cục Thống kê			Tháng 5/2023	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND huyện được ban hành
7.1	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	071	Chi cục Thống kê			2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND huyện Cát Hải được cập nhật
7.2	Tham gia Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố	072	Cục Thống kê	UBND huyện			01 hội nghị do UBND thành phố chủ trì

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	08					
8.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	081	Cục Thống kê	UBND huyện			Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
8.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	082	Cục Thống kê	UBND huyện		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hằng năm được báo cáo trên phần mềm
8.3	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	083	Cục Thống kê				
8.3.1	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0831	Cục Thống kê	UBND huyện		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.4	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	084	Cục Thống kê	UBND huyện	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của UBND thành phố (từ tháng 9 - 12/2025)
84.1	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng	0841	Cục Thống kê	UBND huyện	Tháng 12/2025	Tháng 02/2026	Báo cáo sơ kết
8.4.2	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	0842	Cục Thống kê	UBND huyện		Tháng 3/2026	Hội nghị sơ kết
8.5	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	085					
8.5.1	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại thành phố Hải Phòng	0851	Cục Thống kê	UBND huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Báo cáo tổng kết UBND thành phố Hải Phòng (từ tháng 7-10/2030); - Tổ chức Hội nghị tổng kết (tháng 10-12/2030).